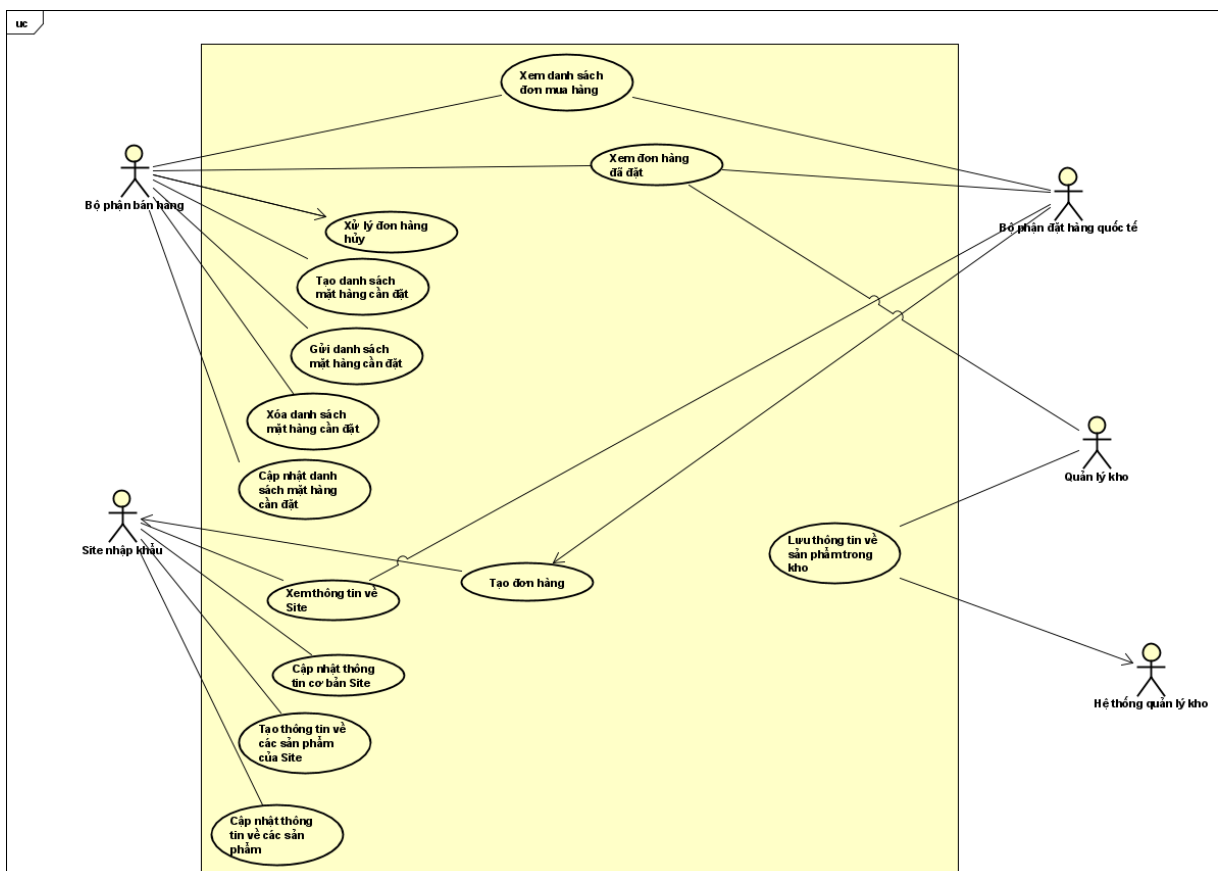


Nhóm 147730-08

- Đặng Thái Tuấn - **Xử lý đơn hàng bị hủy**
- Lê Duy Nghiêm - **Tạo đơn đặt hàng**
- Trần Đăng Phúc - **Lưu thông tin vào kho**
- Bùi Mạnh Dũng - **Xem đơn hàng đã đặt**
- Vũ Thường Đạt - **Tạo thông tin về các sản phẩm của site**

1 Biểu đồ use case

1.1 Biểu đồ use case tổng quan



Giải thích về các tác nhân ...

Bộ phận bán hàng:

- Tạo đơn mua các sản phẩm cần đặt bằng cách nhập mã sản phẩm rồi tiến hành nhập các thông số liên quan và tạo đơn mua thành công
- Xem danh sách đơn mua. Đơn mua có 4 trạng thái: chờ xử lý (bộ phận đặt hàng quốc tế đang xử lý đơn hàng), bị hủy (không tìm thấy được nhà cung cấp phù hợp), đang được thực hiện (chia thành các đơn đã đặt và đang tiến hành vận chuyển đến kho), đã hoàn thành (các đơn hàng đã đến kho)
- Xem chi tiết các đơn hàng đã đặt (những đơn hàng đã đặt thành công)
- Khi đơn hàng còn trong trạng thái xử lý thì có thể sửa hoặc xóa thông tin đơn hàng

Bộ phận đặt hàng:

- Xem danh đơn mua từ bộ phận kinh doanh
- Tạo đơn đặt hàng
- Xem đơn đặt hàng
- Xem thông tin về Site và các sản phẩm mà site cung cấp

Site:

- Cập nhật những thông tin cơ bản của site như số điện thoại, địa chỉ,....
- Tạo, sửa ,xóa các sản phẩm của site

Quản lý kho:

- Xem đơn hàng đã đặt
- Lưu thông vào hệ thống quản quản lý kho

Hệ thống quản lý kho:

- Tiếp nhận thông tin

2 Đặc tả Use case

2.1 Use case “Xử lý đơn hàng bị hủy”

Mã Use case	UC001	Tên Use case	Xử lý đơn hàng bị hủy
Tác nhân	Bộ phận bán hàng		
Tiền điều kiện	Đơn hàng đã được đặt và bị hủy vì lý do gì đó.		
Luồng sự kiện chính (Thành công)	ST	Thực hiện bởi	Hành động
	1.	Bộ phận bán hàng	Chọn chức năng xem đơn hàng bị hủy
	2.	Hệ thống	hiển thị giao diện các đơn hàng bị hủy
	3.	Bộ phận bán hàng	Chọn mã đơn hàng
	4.	Hệ thống	Hiện thị thị ra thông tin đơn hàng bị hủy (giao diện được mô tả ở dưới)
	5.	Bộ phận bán hàng	Xử lý đơn hàng bị hủy đó
	6.	Hệ thống	Thông báo thành công
Luồng sự kiện thay thế	ST	Thực hiện bởi	Hành động
	5a.	Bộ phận bán hàng	Sửa đơn hàng

	6a1.	Bộ phận bán hàng	Gửi lại đơn hàng
	6a2.	Hệ thống	Gửi đơn hàng đến Bộ phận đặt hàng quốc tế và báo thành công
	6b1.	Bộ phận bán hàng	Tạo lại đơn hàng
	6b2.	Hệ thống	Lưu lại đơn hàng vào danh sách đơn hàng đã tạo và báo thành công
Hậu điều kiện		Không	

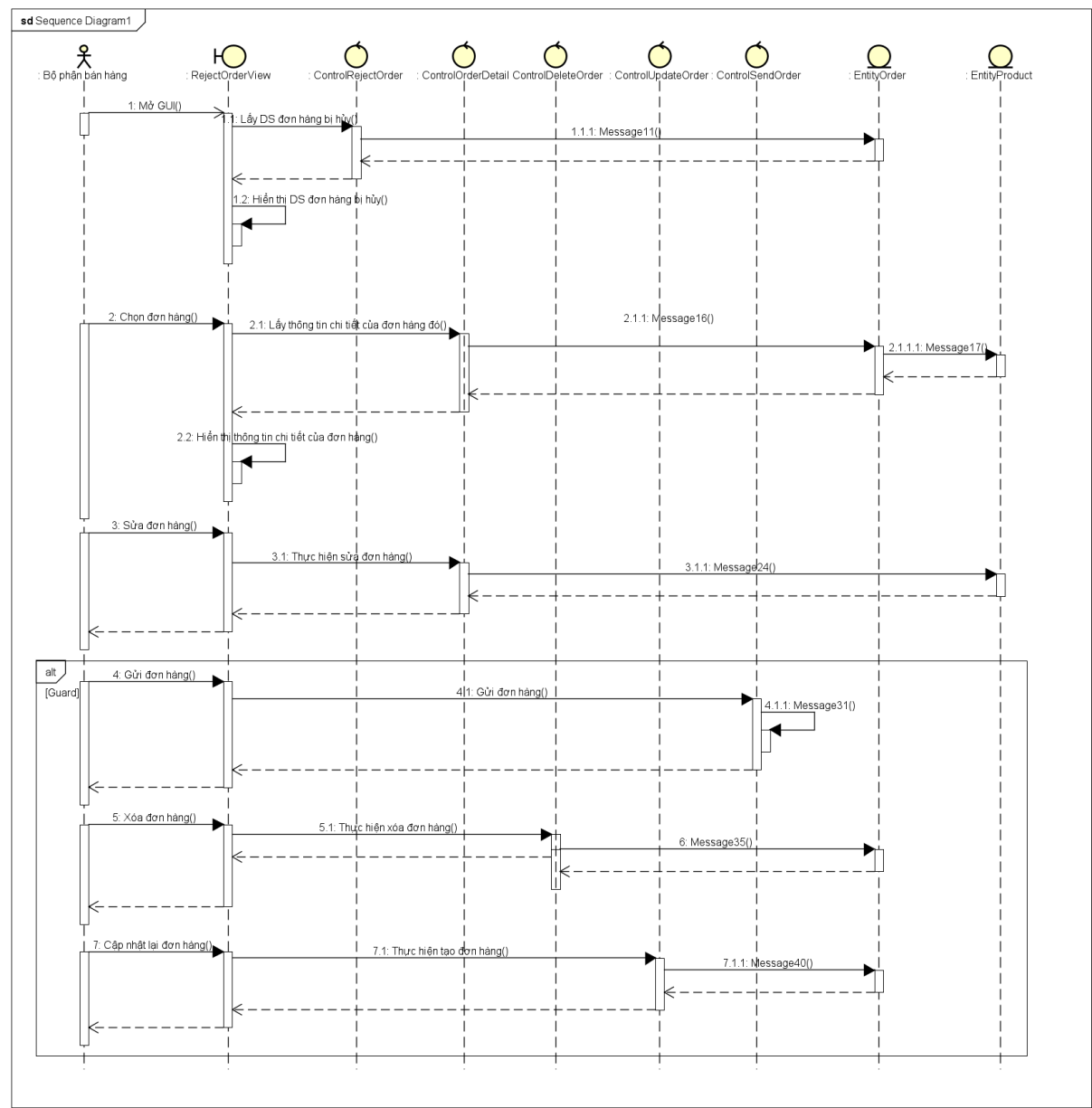
Giao diện thông tin đơn hàng bị hủy

ST T	Trường dữ liệu	Ví dụ
1.	Mã đơn hàng	PI2022
2.	Số lượng sản phẩm	20
3.	đơn vị	kg
4.	Desired delivery date	2024/4/2
5.	Lý do bị hủy	Không có phương tiện vận chuyển đến.

Các lý do để đơn hàng bị hủy:

- + Không thể vận chuyển đến trước thời gian nhận hàng theo mong muốn.
- + Không có hàng hóa phù hợp, thiếu số lượng hàng hóa.

Sequence Diagram



2.2 Use case “Tạo đơn đặt hàng”

Mã Use case	UC101	Tên Use case	Tạo đơn đặt hàng
Tác nhân	Bộ phận đặt hàng quốc tế		
Tiền điều kiện	Tồn tại danh sách đơn mua hàng		

Luồng sự kiện chính (Thành công)	STT	Thực hiện bởi	Hành động
	1.	Bộ phận đặt hàng quốc tế	Chọn chức năng tạo đơn hàng
	2.	Hệ thống	Hiển thị các đơn mua có sẵn
	3.	Bộ phận đặt hàng quốc tế	Chọn đơn mua
	4.	Hệ thống	hiển thị danh sách các sản phẩm theo đơn mua
	5.	Bộ phận đặt hàng quốc tế	Chọn sản phẩm
	6.	Hệ thống	Hiển thị danh sách các site theo mức độ ưu tiên: Phương tiện, số lượng hàng
	7.	Bộ phận đặt hàng quốc tế	Chọn số lượng sản phẩm cần mua từ mỗi site
	8.	Hệ thống	Kiểm tra số lượng đặt mua mỗi site
	9.	Bộ phận đặt hàng quốc tế	Ấn nút gửi đơn hàng
Luồng sự kiện thay thế	STT	Thực hiện bởi	Hành động
	2a.	Hệ thống	thông báo lỗi: Không tồn tại đơn mua
	4a.	Hệ thống	thông báo lỗi: Đơn mua chứa sản phẩm không tồn tại trong các site
	8a.	Hệ thống	thông báo lỗi: số lượng sản phẩm vượt quá dự trữ site
	4c1 .	Bộ phận đặt hàng quốc tế	Chọn đổi đơn mua
	4c2 .	Hệ thống	quay lại bước 2.
Hậu điều kiện	Không		

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc?	Điều kiện hợp lệ	Ví dụ
-----	----------------	-------	-----------	------------------	-------

4.	Tên sản phẩm		Không		Táo
5.	Số lượng sản phẩm		Có	Chỉ được phép gồm ký tự số, không bao gồm dấu	2
6.	Mã đơn mua		Không	Không bao gồm ký tự đặc biệt	

2.3 Use case “Tạo thông tin về các sản phẩm của site”

Mã Use case	UC03	Tên Use case	Tạo thông tin các sản phẩm của site																								
Tác nhân	Site nhập khẩu																										
Tiền điều kiện	Site nhập khẩu chọn xem thông tin Site và danh sách sản phẩm của site được hiển thị																										
Luồng sự kiện chính (Thành công)	<table><tr><th>ST T</th><th>Thực hiện bởi</th><th>Hành động</th></tr><tr><td>1.</td><td>Site nhập khẩu</td><td>chọn thêm sản phẩm</td></tr><tr><td>2.</td><td>Hệ thống</td><td>hiển thị các trường để nhập thông tin cho sản phẩm</td></tr><tr><td>3.</td><td>Site nhập khẩu</td><td>nhập thông tin bao gồm: mã sản phẩm, tên sản phẩm, danh mục, mô tả, giá, số lượng</td></tr><tr><td>4.</td><td>Site nhập khẩu</td><td>yêu cầu thêm sản phẩm</td></tr><tr><td>5.</td><td>Hệ thống</td><td>kiểm tra thông tin được nhập có hợp lệ không</td></tr><tr><td>6.</td><td>Hệ thống</td><td>kiểm tra sản phẩm đã tồn tại chưa</td></tr><tr><td>7.</td><td>Hệ thống</td><td>thêm sản phẩm vào site</td></tr></table>			ST T	Thực hiện bởi	Hành động	1.	Site nhập khẩu	chọn thêm sản phẩm	2.	Hệ thống	hiển thị các trường để nhập thông tin cho sản phẩm	3.	Site nhập khẩu	nhập thông tin bao gồm: mã sản phẩm, tên sản phẩm, danh mục, mô tả, giá, số lượng	4.	Site nhập khẩu	yêu cầu thêm sản phẩm	5.	Hệ thống	kiểm tra thông tin được nhập có hợp lệ không	6.	Hệ thống	kiểm tra sản phẩm đã tồn tại chưa	7.	Hệ thống	thêm sản phẩm vào site
ST T	Thực hiện bởi	Hành động																									
1.	Site nhập khẩu	chọn thêm sản phẩm																									
2.	Hệ thống	hiển thị các trường để nhập thông tin cho sản phẩm																									
3.	Site nhập khẩu	nhập thông tin bao gồm: mã sản phẩm, tên sản phẩm, danh mục, mô tả, giá, số lượng																									
4.	Site nhập khẩu	yêu cầu thêm sản phẩm																									
5.	Hệ thống	kiểm tra thông tin được nhập có hợp lệ không																									
6.	Hệ thống	kiểm tra sản phẩm đã tồn tại chưa																									
7.	Hệ thống	thêm sản phẩm vào site																									

Luồng sự kiện thay thế	STT	Thực hiện bởi	Hành động
	6a.	Hệ thống	thông báo lỗi: Thông tin nhập không hợp lệ
	7a.	Hệ thống	thông báo lỗi: Thông báo sản phẩm đã tồn tại
Hậu điều kiện	Không		

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc?	Điều kiện hợp lệ	Ví dụ
1.	Mã sản phẩm		Có	Chỉ chứa chữ hoặc số	TA21
2.	Tên sản phẩm		Có	Dưới 50 ký tự	Táo
3.	Danh mục		Không	Dưới 30 ký tự	Thực phẩm
4.	Mô tả		Không	Dưới 500 ký tự	
5.	Giá		Có	Số dương	10000
6.	Số lượng		Có	Số nguyên dương	10

2.4. Use case “Lưu thông tin vào kho”

Mã Use case	UC201	Tên Use case	Lưu thông tin vào kho
Tác nhân	Quản lý kho		
Tiền điều kiện	Tồn tại các đơn hàng chuẩn bị đến kho và đã đến kho		

Luồng sự kiện chính (Thành công)	STT	Thực hiện bởi	Hành động
	1.	Quản lý kho	Chọn chức năng xem đơn hàng
	2.	Hệ thống	Hiển thị danh sách bao gồm cả trạng thái đơn hàng và xếp xếp ưu tiên các đơn hàng đã đến kho ở phía trên
	3.	Quản lý kho	Ấn vào đơn hàng cần kiểm
	4.	Hệ thống	Hiển thị giao diện để điền số lượng nhận được thực tế
	5.	Quản lý kho	Nhập số lượng thực tế và ấn xác nhận
	6.	Hệ thống	Cập nhật lại thông tin đơn hàng
	7.	Hệ thống	Lưu thông tin vào hệ thống quản lý kho
	8.	Hệ thống	Hiển thị thông báo thành công
	9.	Quản lý kho	Ấn vào xuất file excel
10	Hệ thống	Xuất file file và hiển thị thông báo thành công	
Luồng sự kiện thay thế	STT	Thực hiện bởi	Hành động
	6a.	Hệ thống	Nếu đơn hàng đủ : Cập nhật trạng thái đơn hàng đã hàng thành
	6.b	Hệ thống	Nếu đơn hàng thiếu: Gửi thông báo cho các bên và đưa đơn hàng vào trạng thái lưu kho
	8a.	Hệ thống	Thông báo lỗi: lưu không thành công
	10.a	Hệ thống	Thông báo lỗi: không thể xuất file excel
Hậu điều kiện	Không		

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc?	Điều kiện hợp lệ	Ví dụ
1.	Mã sản phẩm		Không	Là mã sản phẩm đã được nhập trên hệ thống	PI2022
2.	Quantity ordered		Không	Chỉ được phép là	2

				số nguyên dương	
3,	Quantity received		Có		
3.	Unit	đơn vị của sản phẩm như: thùng, gói,được hệ thống tự động điền khi đã nhập thành công mã sản phẩm	Không		thùng
4.	Ngày nhận		Có	Ngày hiện tại	10/11/2024

2.5 Use case “Xem đơn hàng đã đặt”

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc?	Điều kiện hợp lệ	Ví dụ
1.	Tên sản phẩm		Có		Táo
2.	Số lượng sản phẩm		Có	Chỉ được phép gồm kí tự số	2
3.	Giá		Có	Chỉ được phép gồm kí tự số	1000000
4.	Đơn vị	Đơn vị của sản phẩm như: thùng, gói,			thùng
5.	Đơn vị tiền tệ	Là 1 dropdown có thể lựa chọn đơn vị tiền tệ, mặc định sẽ là “VNĐ”	Có		VNĐ
6.	Mã sản phẩm		Có		PI2022

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc?	Điều kiện hợp lệ	Ví dụ
7.	Ngày đặt đơn	Ngày lên đơn hàng	Có	Theo định dạng DD/MM/YY	13/03/2024
8.	Ngày nhận đơn	Ngày mong muốn nhận	Có	Theo định dạng DD/MM/YY bằng hoặc muốn hơn ngày đặt	18/03/2024
9.	Tình trạng	Tình trạng đơn hàng	Có		- Đơn hàng đi đến kho hai bà trung, chờ xử lý

Tác nhân	Hệ thống quản lý kho
Tiền điều kiện	Tồn tại danh sách đơn mua hàng

3. Từ điển thuật ngữ

- Đơn mua: đơn hàng được gửi từ bên bộ phận bán hàng
- Đơn đã đặt : đơn mua nhưng đã được bộ phận đặt hàng xác định được các site cung cấp sản phẩm đạt yêu cầu và đặt hàng với các site đấy.

4. Đặc tả phụ trợ

4.1 Hiệu năng:

- Hệ thống có thể phản hồi có chức năng tìm kiếm site thích hợp 1 cách nhanh chóng

4.2 Độ tin cậy

- Khi Site cập nhật thông tin thì bộ phận bán hàng phải nhận được ngay lập tức để không làm ảnh hưởng đến kết quả khi thực hiện đặt hàng